

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA DANH NGỮ CHỈ THỜI GIAN TRONG VĂN BẢN BÁO CHÍ

Nhận bài:

13 – 05 – 2015

Chấp nhận đăng:

25 – 09 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Sao Mai

Tóm tắt: Danh từ là một từ loại có vị trí quan trọng trong số các từ loại của một ngôn ngữ nói chung và của tiếng Việt nói riêng. Sự phong phú và đa dạng của danh từ đã góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng tương ứng ở cấu trúc ngữ đoạn có danh từ làm thành phần trung tâm tạo thành *ngữ danh từ* hay còn gọi là *danh ngữ*. Trong ngôn ngữ, thời gian chiếm một vị trí quan trọng nhất định bởi trong mỗi phát ngôn đều có thể xuất hiện thời gian. Có nhiều phương tiện ngôn ngữ được sử dụng để chỉ thời gian, trong đó danh ngữ chỉ thời gian là một trong những phương tiện tiêu biểu, có giá trị biểu cảm phong phú. Bài viết này đi sâu tìm hiểu đặc điểm cấu tạo của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí về mặt cấu trúc danh ngữ, danh từ trung tâm, cấu tạo của phần phụ trước và phần phụ sau. Từ đây, đưa ra những nhận xét và nhận định ban đầu về đặc điểm cấu tạo cũng như giá trị biểu hiện nghĩa thời gian của danh từ chỉ thời gian trong văn bản báo chí.

Từ khóa: danh từ; danh ngữ; danh ngữ chỉ thời gian; văn bản báo chí; từ loại.

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt, cấu trúc ngữ đoạn có danh từ làm thành phần trung tâm gọi là danh ngữ hay ngữ danh từ. Ngữ danh từ trong tiếng Việt có sức hoạt động rộng khắp và có giá trị biểu hiện vô cùng linh động trong văn bản, nhờ nó mà với một số lượng danh từ với ý nghĩa nhất định lại có thể tạo ra nhiều hơn những danh ngữ với các giá trị nghĩa đa dạng. Tuy nhiên, dù cấu trúc danh ngữ có phức tạp hơn, có ý nghĩa đầy đủ hơn danh từ, nhưng xét về phương diện nghĩa thì toàn bộ cơ cấu của danh ngữ lại bị chi phối bởi đặc điểm ngữ nghĩa của từ trung tâm. Danh ngữ chỉ thời gian là một trong những kiểu loại cấu trúc danh ngữ như vậy, bị chi phối bởi danh từ trung tâm - danh từ chỉ thời gian.

Danh ngữ chỉ thời gian vừa mang những đặc điểm phổ quát của một ngữ danh từ, lại vừa mang những nét độc đáo đặc thù của danh từ trung tâm là những danh từ

chỉ thời gian. Vì vậy, nó tạo ra những đặc điểm riêng biệt về cấu trúc và giá trị ý nghĩa. Bài viết chọn danh ngữ chỉ thời gian làm đối tượng nghiên cứu, mà cụ thể là đi sâu tìm hiểu đặc điểm cấu tạo của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí.

2. Nội dung

2.1. Cấu trúc của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí

Trên cơ sở khảo sát 3.856 câu có chứa danh ngữ chỉ thời gian được thu thập trong các văn bản báo chí (các số báo trong năm 2010 và 2011, ở mục Tin) sau: *Giáo dục & thời đại* (Cơ quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Diễn đàn toàn xã hội vì sự nghiệp giáo dục), *Lao động* (Cơ quan của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tiếng nói của công nhân viên chức Việt Nam), *Phụ nữ Việt Nam* (Cơ quan trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam), *Thanh niên* (Diễn đàn của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam), *Tuổi trẻ* (Cơ quan của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh TP.HCM), chúng tôi tiến hành thống kê phân loại cấu trúc của danh ngữ theo bảng số liệu sau:

Bảng 1. Bảng thống kê phân loại cấu trúc danh ngữ

* Liên hệ tác giả

Lê Sao Mai

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: saomai86@gmail.com

STT	Đặc điểm cấu tạo	TSXH	Tỉ lệ %
1	Phần phụ trước + danh từ trung tâm + phần phụ sau	1035	23.09
2	Phần phụ trước + danh từ trung tâm	676	15.08
3	Danh từ trung tâm + phần phụ sau	2771	61.82

Như vậy, cấu trúc danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí có đầy đủ 3 thành phần: phần phụ trước + danh từ trung tâm + phần phụ sau có tần số xuất hiện (TSXH) là 1035 lần, chiếm 23.09%; cấu trúc danh ngữ phần phụ trước + danh từ trung tâm có TSXH ít nhất: 676 lần, chiếm 15.08%; cấu trúc danh ngữ danh từ trung tâm + phần phụ sau xuất hiện nhiều nhất: 2771 lần, chiếm 61.82%. Điều này cho thấy xác suất xuất hiện của một danh ngữ có cấu tạo gồm 3 phần trong văn bản báo chí là bình thường. Xác suất xuất hiện của phần phụ trước là rất ít so với phần phụ sau. Chúng ta có thể kết luận ban đầu rằng danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí có phần phụ trước khá mờ nhạt và không phong phú như ở phần phụ sau.

Danh từ trung tâm của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí đều là những danh từ chỉ thời gian. Theo số liệu thống kê có 33 danh từ chỉ thời gian làm trung tâm danh ngữ như: *ngày, giờ, tháng, năm, kỳ, quý,...* trong đó số lượng danh từ có tần số xuất hiện nhiều nhất là: *ngày, sáng, tháng*.

Phần phụ trước của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí thường là một lượng từ, một tổ hợp số từ hoặc một ngữ danh từ chỉ lượng. Ở phần phụ sau xuất hiện nhiều dạng, có thể là một từ, một ngữ hoặc một câu. Chúng ta có thể quy về thành hai loại tiêu biểu là *thực từ* và *hư từ*. Hư từ làm nên các *định ngữ chỉ xuất*. Thực từ xác lập nên các *định ngữ* cho danh từ trung tâm.

2.2. Phần trung tâm

Chúng tôi thống kê được có 33 danh từ trung tâm được sử dụng để tạo nên 4482 danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí. Các danh từ trung tâm này đều là những danh từ chỉ thời gian. Điều này đã chứng tỏ khả năng kết hợp đa dạng và linh hoạt của các danh từ chỉ thời gian trong việc tạo danh ngữ chỉ thời gian nói riêng và danh ngữ của tiếng Việt nói chung.

Chúng tôi cũng thấy xuất hiện các đại từ chỉ thời gian: *bây giờ, bao giờ*, tuy nhiên các đại từ này thường tự mình làm thành một danh ngữ chỉ thời gian chứ không làm trung tâm trong một danh ngữ chỉ thời gian, tức không có sự kết hợp với phần phụ trước và phần phụ sau. Dưới đây là bảng thống kê các danh từ trung tâm và tần số xuất hiện:

Bảng 2. Bảng thống kê các danh từ trung tâm

STT	Danh từ trung tâm	TSXH	Tỉ lệ %
1	Ngày	345	7.69
2	Sáng	240	5.35
3	Tháng	234	5.22
4	Lúc	214	4.77
5	Khi	210	4.68
6	Năm	207	4.61
7	Chiều	204	4.55
8	Giờ	200	4.46
9	Đêm	199	4.43
10	Tuần	197	4.39
11	Hôm	188	4.19
12	Hồi	187	4.17
13	Tối	184	4.10
14	Trưa	180	4.01
15	Tiếng	144	3.21
16	Quý	127	2.83
17	Dịp	111	2.47
18	Mùa	98	2.18
19	Thứ	97	2.16
20	Thời gian	95	2.11
21	Khuya	94	2.09
22	Mùng	92	2.05
23	Kỳ	90	2.00
24	Lần	82	1.82
25	Buổi	82	1.82
26	Thời buổi	70	1.56
27	Thời kỳ	66	1.47
28	Phút	64	1.42
29	Tết	45	1.00
30	Thời điểm	40	0.89
31	Giây	36	0.80
32	Thế kỷ	36	0.80
33	Thập kỷ	24	0.53

Số liệu thống kê cho thấy danh từ có TSXH nhiều nhất và số lần xuất hiện trội hơn hẳn là *ngày*, có 345 lần xuất hiện chiếm 7.69%. Các danh từ còn lại có sự chênh lệch nhau thành từng nhóm nhưng mức độ chênh lệch trong nhóm không quá nhiều. Nhóm thứ nhất là các từ có TSXH từ 240 lần đến 180 lần: *sáng, tháng, lúc, khi, năm, chiều, giờ, đêm, tuần, hôm, hồi, tối, trưa*. Nhóm thứ hai là các từ có TSXH từ 144 lần đến 82 lần: *tiếng,*

quý, dịp, mùa, thứ, thời gian, khuya, mừng, kỳ, lần, buổi. Và nhóm cuối cùng có TSXH từ 70 lần đến 24 lần: thời kỳ, phút, tết, thời điểm, giây, thế kỷ, thập kỷ.

Như vậy, số lần xuất hiện của các danh từ trung tâm ở đây tương đối dàn trải và không có sự chênh lệch quá mức. Không có những trường hợp danh từ trung tâm xuất hiện một cách đặc biệt, ngoại lệ với tần số xuất hiện rất thấp chỉ vài lần.

Từ những danh từ trung tâm chỉ thời gian có được qua bảng thống kê, chúng tôi tiến hành phân loại các danh từ này theo hai tiêu chí là *độ dài trên trục thời gian* và *sự xác định thời gian*.

Độ dài trên trục thời gian có thể hiểu nôm na là chúng ta tiến hành đo thời gian dài, ngắn, rộng, hẹp bao nhiêu. Nếu danh từ chỉ thời gian trùng với một điểm (có thể coi như không có chiều dài trên trục thời gian ở mức độ tương đối), đó là *danh từ chỉ thời điểm*. Nếu danh từ chỉ thời gian chỉ một khoảng thời gian trên trục thời gian, đó là *danh từ chỉ thời đoạn*.

Tuy nhiên, trong những trường hợp cụ thể, dựa vào ngữ cảnh riêng, sự xác định thời điểm hoặc thời đoạn đôi khi tùy thuộc vào chủ ý của người nói, cho nên có những danh từ chỉ thời đoạn vẫn dùng để chỉ thời điểm và ngược lại. Ví dụ, có thể nói: *Ngày mai 23-2 đoàn sẽ đến thăm và đặt vòng hoa tại Lăng Hồ Chủ tịch* [3], *ngày mai* ở đây là một thời điểm, nhưng trong ví dụ: *Triển lãm sẽ còn mở cửa trong suốt ngày mai 19-2* [4], thì *ngày mai* ở đây đã chỉ một thời đoạn tức thời gian diễn ra triển lãm.

Cuối cùng là nếu danh từ chỉ thời gian trống nghĩa, nghĩa là thời gian không thể định vị trên trục thời gian nếu không đi kèm với một định ngữ, đó là *danh từ phi thời điểm - phi thời đoạn*. Loại danh từ này thường không thể đo thời gian ngắn dài theo thời điểm, thời đoạn mà chủ yếu là dùng để định vị thời gian dựa vào một điểm mốc là một sự kiện hoặc một hành động cụ thể nào đó. Ví dụ: *Nhân dịp kỷ niệm 82 năm Ngày Thành lập Công đoàn Việt Nam (28.7.1929 -28.7.2011), thay mặt Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐVN, tôi thân ái gửi tới các thế hệ cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ, các cấp CD cả nước lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc mừng tốt đẹp nhất* [3].

Bảng 3. Bảng thống kê phân loại danh từ theo tiêu chí độ dài trên trục thời gian

STT	Danh từ chỉ thời điểm	Danh từ chỉ thời đoạn	Danh từ phi thời điểm - phi thời đoạn
1	Sáng	Ngày	Lúc
2	Trưa	Tháng	Khi
3	Chiều	Đêm	Hôm
4	Tối	Tuần	Hồi
5	Giờ	Mùa	Đạo
6	Khuya	Buổi	Lần
7	Tết	Tiếng	Thời gian
8		Quý	Dịp
9		Thứ	Kỳ
10		Mừng	Thời buổi
11		Phút	Thời kỳ
12		Giây	Thời điểm
13		Thế kỷ	
14		Thập kỷ	

Từ sự phân loại trên cho thấy số lượng danh từ chỉ thời đoạn chiếm ưu thế, sau đó đến danh từ phi thời điểm - phi thời đoạn và cuối cùng là danh từ chỉ thời điểm.

Danh từ chỉ thời điểm là những danh từ dùng để định vị thời gian, bao gồm: *sáng, trưa, chiều, tối, giờ, khuya, tết*. Các danh từ chỉ thời điểm trong văn bản báo chí chủ yếu có tính chất định vị thời gian khái quát. Ví dụ như: *sáng nay, khuya 12-1, tối qua, trưa ngày 27-7, tết 2010, giờ này, chiều mai,...*

Danh từ chỉ thời đoạn là những danh từ để định lượng thời gian, bao gồm: *ngày, tháng, đêm, tuần, mùa, buổi, tiếng, quý, thứ, mừng, phút, giây, thế kỷ, thập kỷ*. Trong số các danh từ chỉ thời đoạn vừa nêu trên thì chỉ có những danh từ nào có khả năng kết hợp với những định ngữ đứng sau (thường là những từ chỉ định: *này, đó, đây, trước, sau* hoặc một số định ngữ khác) và những danh từ chỉ thời lượng có tính chất cụ thể: *4 phút, 7 giờ đến 9 giờ, năm 2010,...* thì mới được xem là những danh từ chỉ thời điểm có khả năng định vị thời gian cụ thể.

Danh từ có ý nghĩa thời gian phi thời điểm - phi thời đoạn bao gồm: *lúc, khi, hôm, hồi, đạo, lần, thời gian, dịp, kỳ, thời buổi, thời kỳ, thời điểm*. Các danh từ này chỉ có khả năng chỉ thời điểm định vị thời gian hoặc định lượng thời gian khi chúng kết hợp với định ngữ, ví dụ như: *thời buổi kinh tế khó khăn hiện nay; hồi đầu năm; thời kỳ khủng hoảng hạt nhân; những kỳ họp*

Quốc hội tới; dịp kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh,...

Mặc dù giữa danh từ chỉ thời điểm và thời đoạn có số lượng chênh lệch nhau, nhưng như chúng tôi đã phân tích ví dụ ở trên, trong thực tế sử dụng, hai loại danh từ này có thể có nhiều trường hợp dùng hoán đổi cho nhau.

Khi khảo sát về danh ngữ chỉ thời gian, chúng tôi thấy ngoài những danh ngữ chỉ ý nghĩa thời gian thuần nhất, còn có những danh ngữ tuy cùng một chỉ tố nhưng do nghĩa khác nhau nên khi thì thuộc nhóm này, khi thì thuộc nhóm khác, khi thì làm biểu thức chỉ xuất để định vị thời gian xác định, khi thì lại làm biểu thức chỉ xuất để định vị thời gian không xác định. Dựa vào lý thuyết định vị thời gian, dưới đây chúng tôi sẽ tiến hành phân loại thời gian theo tiêu chí sự xác định của thời gian.

Bảng 4. Bảng thống kê phân loại danh từ theo tiêu chí sự xác định của thời gian

STT	Tiêu chí sự xác định thời gian	Dẫn chứng	TSXH	Tỷ lệ %
1	Thời gian xác định	- Ngày 12-4-2011 - Ba ngày - Lúc 16g25 ngày 13-3 - Năm 2000	2822	62.96
2	Thời gian không xác định	- Mỗi ngày - Những ngày vừa qua - Những tháng đầu năm - Thời gian gần đây - Khi bị một tàu lớn đâm chìm ngoài khơi Côn Đảo	1660	37.04

Theo bảng thống kê, thời gian xác định có TSXH là 2822 lần, chiếm 62.96%, còn thời gian không xác định có TSXH là 1660 lần, chiếm 37.04%.

Như vậy, có thể thấy thời gian xác định chiếm ưu thế hơn hẳn so với thời gian không xác định. Sở dĩ có sự chênh lệch lớn như vậy là do đặc thù của văn bản báo chí. Thời gian trong văn bản báo chí là thời gian của sự kiện, thời gian luôn đòi hỏi sự chính xác. Vì vậy, thời gian trong văn bản báo chí luôn được phản ánh theo tiêu chí trung thực, chính xác và khách quan. Thời gian không xác định luôn được đi kèm sau thời gian xác định

để người đọc có thể định vị được rõ ràng, tránh gây hiểu lầm về thông tin thời gian của sự việc.

2.3. Phần phụ sau

Qua các ngữ liệu có được, chúng tôi nhận thấy phần phụ sau của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí được cấu tạo từ các *thực từ* và *hư từ*.

Hư từ thường gặp ở đây khá hạn chế, chủ yếu là các từ: *nay, đây, qua, trước, sau, tới* thường đi với các danh từ: *ngày, tháng, năm, sáng, chiều, tối, tuần, quý, mùa, thời gian, thế kỷ* và nằm cuối danh ngữ, ví dụ như: *chiều qua, những ngày gần đây, những tháng tới, những năm trước đây, những quý đầu năm nay, những kỳ họp sau,...* Do đặc điểm của thời gian trong báo chí thường được định vị theo những thời điểm xác định hoặc định hướng thời gian mang tính khái quát nên không có các danh ngữ như: *khuya qua, trưa qua,...*

Còn các thực từ thì xác lập nên các định ngữ cho danh ngữ. Dưới đây là bảng thống kê phân loại các loại định ngữ có mặt trong phần phụ sau của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí:

Bảng 5. Bảng thống kê phân loại các loại định ngữ

STT	Loại định ngữ	TSXH	Tỷ lệ %
1	Định ngữ là 1 ngữ danh từ chỉ thời gian	464	40.66
2	Định ngữ là các từ diễn đạt bao hàm nghĩa duy nhất	287	25.15
3	Định ngữ là một ngữ vị từ chỉ trạng thái, hoạt động của nhân vật, đối tượng	275	24.10
4	Định ngữ miêu tả (mang ý nghĩa đánh giá)	115	10.07

Chúng tôi phân loại các định ngữ ở phần phụ sau của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí thành 4 loại như trong bảng. Số liệu thống kê cho thấy định ngữ là một ngữ danh từ chỉ thời gian là loại định ngữ có TSXH nhiều nhất: 464 lần, chiếm 40.66%. Định ngữ miêu tả có TSXH ít nhất: 115 lần chiếm 10.07%. Định ngữ là các từ diễn đạt bao hàm nghĩa duy nhất và định ngữ là một ngữ vị từ chỉ trạng thái, hoạt động của nhân vật, đối tượng có TSXH nhiều thứ nhì và ít chênh lệch nhau, lần lượt là: 287 lần chiếm 25.15% và 275 lần chiếm 24.10%.

Loại định ngữ là một ngữ danh từ chỉ thời gian xuất hiện phổ biến nhất và hầu hết tất cả các loại định ngữ có phần phụ sau đều thấy xuất hiện loại định ngữ này. Loại định ngữ này cung cấp thời gian cụ thể, chính xác cho các sự kiện được phản ánh. Ví dụ: *Ngày 10-3, báo Tuổi trẻ đăng bài “Tự ý ngăn đường thu phí” phản ánh xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (TP.HCM) để cho các cấp tự ngăn đường thu phí [4], Những tháng đầu năm 2011, tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) nước ta có nhiều khó khăn [5],...*

Những danh ngữ có định ngữ là một ngữ danh từ chỉ thời gian có chức năng định vị thời gian của sự kiện được nói đến. Loại định ngữ này trong văn bản báo chí thường có cấu trúc đơn giản, lặp lại, chủ yếu là nêu lên thời gian cụ thể theo các mốc ngày tháng năm, hoặc là một ngữ danh từ chỉ thời gian có hoặc không kèm hư từ chỉ xuất, ví dụ như: *ngày hôm nay, ngày hôm qua, sáng mai,...* Các thông tin, sự kiện được báo chí cung cấp luôn đòi hỏi tính trung thực và sự chính xác, vì thế hai yếu tố thời gian và địa điểm luôn có mặt, đó cũng là lý do cho sự xuất hiện nhiều của loại định ngữ này.

Bên cạnh định ngữ là một ngữ danh từ chỉ thời gian, định ngữ là các từ diễn đạt bao hàm nghĩa “duy nhất” cũng ghi lại thời gian của sự kiện nhưng đây là những mốc thời gian quan trọng, đánh dấu sự mở đầu hoặc kết thúc của sự kiện, hành động diễn ra trong một khoảng thời gian. Loại định ngữ này xuất hiện khá phổ biến trong văn bản báo chí để tường thuật các sự kiện và đánh dấu thời gian đầu tiên, cuối cùng sự kiện ấy diễn ra để bạn đọc tiện theo dõi.

Định ngữ là các từ diễn đạt bao hàm nghĩa “duy nhất” thuộc loại định ngữ hạn định - là loại định ngữ nhằm chỉ rõ cái sở chỉ của ngữ danh từ do các từ diễn đạt bao hàm nghĩa “duy nhất” như *đầu tiên, cuối cùng, đẹp nhất...* đảm nhiệm, thường đi với các danh từ: *ngày, tháng, năm,...* Ví dụ: *Ngày làm việc đầu tiên của Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Khóa XIII [21]; ngày đầu tiên ra quân hưởng ứng tháng an toàn giao thông [21], ...*

Định ngữ là một ngữ vị từ chỉ trạng thái, hoạt động của nhân vật, đối tượng định vị thời gian theo những sự kiện, hoạt động mà nhân vật tham gia. Nhân vật ở đây thường là toàn cộng đồng xã hội nói chung: *mọi người, toàn dân, xã hội* nên nội dung ý nghĩa của định ngữ vì thế thường hướng đến định hướng, vận động một hành động tích cực nào đó.

Định ngữ là một ngữ vị từ chỉ trạng thái, hoạt động của nhân vật, đối tượng thường xuất hiện sau các danh từ trung tâm: *ngày, năm, khi, tháng, giờ,...* Ví dụ: *ngày hội tư vấn - tuyển sinh hướng nghiệp [2]; tháng hành động vệ sinh an toàn thực phẩm [5]; Ngày toàn dân đi bầu cử [5]; Ngày toàn dân hưởng ứng hiến máu nhân đạo [1], ...*

Định ngữ miêu tả xuất hiện khá hạn chế trong văn bản báo chí. Định ngữ miêu tả xuất hiện trong văn bản báo chí thường mang ý nghĩa đánh giá nhiều hơn là miêu tả đơn thuần. Có điều này là do đặc điểm của văn bản báo chí là thông tin một cách ngắn gọn, súc tích và khách quan về sự kiện, nếu có miêu tả thì thường chỉ mang ý nghĩa đánh giá để định hướng bạn đọc. Một số ít các định ngữ miêu tả này thường gặp nhiều trong các bản tin về kinh tế, an toàn giao thông, các vụ án hình sự hay các tai nạn lao động nhằm gây ấn tượng mạnh cho bạn đọc tạo sự cảnh báo hoặc răn đe.

Định ngữ miêu tả xuất hiện sau các danh từ trung tâm: *ngày, năm, tháng, giờ, đêm,...* Ví dụ: *ngày đâm máu [1]; phút định mệnh ấy [2]; thời điểm khó khăn [2], ...*

Các định ngữ xuất hiện sau danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí thường khá đơn giản và ít có nhiều trường hợp có thể xác định được nhiều định ngữ của cùng một danh từ trung tâm. Chỉ có trường hợp định ngữ là một ngữ danh từ chỉ thời gian và định ngữ là các từ diễn đạt bao hàm nghĩa duy nhất. Định ngữ là một ngữ danh từ chỉ thời gian thì các định ngữ xác lập được thường chỉ là các danh ngữ chỉ thời gian được đặt liên tiếp nhau để nêu lên thời gian chính xác theo các mốc: *thứ, ngày, tháng, năm*, ví dụ: *Ngày 2 tháng 3 năm 2010, Thứ hai ngày 3-7,...* Định ngữ là các từ diễn đạt bao hàm nghĩa duy nhất thường có thêm phần định ngữ là một ngữ vị từ miêu tả hoạt động, trạng thái của đối tượng hoặc thời gian được định vị.

2.4. Phần phụ trước

Phần phụ trước của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí là một lượng ngữ. Lượng ngữ của danh ngữ thường là một lượng từ chỉ số lượng chính xác hoặc không xác định; những từ ngữ khác diễn đạt ý về số lượng: *nhiều, bao nhiêu*; tổ hợp số từ hoặc một ngữ danh từ chỉ lượng. Ngoài ra, từ *khoảng, chừng* thường xuất hiện trước các số từ, tổ hợp số từ hoặc ngữ danh từ chỉ lượng để diễn đạt ý ước chừng trong phạm vi một lượng cụ thể.

Bảng 6. Bảng thống kê phân loại phần phụ trước

STT	Phần phụ trước	DT trung tâm	Dẫn chứng	TSXH
1	Lượng từ	Ngày	- Một ngày - Hai ngày	242
		Năm	- Những năm... - Mỗi năm	208
		Giờ	- Hàng giờ... - Nửa giờ	199
		Tháng	- Mấy tháng... - Những tháng...	194
		Quý	-Hai quý...	80
		Tiếng	-Hai tiếng	79
		Phút	phút	73
		Thế kỷ	- Một thế kỷ - Hai thế kỷ	58
		Đêm	-Hai đêm...	51
		Thập kỷ	- Một thập kỷ - Nửa thập kỷ	46
		Giây	- Những giây...	44
Hôm	-Hai hôm...	42		
		Thời điểm	-Một thời điểm	17
2	Quán từ	Tết	- Cái tết... - Một cái tết...	12
3	Những từ ngữ khác điển đạt ý về lượng	Ngày	- Nhiều ngày	48
		Năm	-Nhiều năm...	37
		Tuần	-Nhiều tuần...	25
		Tháng	-Nhiều tháng...	23
		Tiếng	-Nhiều tiếng	19
		Thời điểm	-Nhiều thời điểm	18
		Giờ	-Nhiều giờ	17
Đêm	-Nhiều đêm...	9		
4	Tổ hợp số từ	Ngày	-Hai mươi ngày	36
		Năm	-Hai mươi năm...	6
		Tháng	-Hai mươi tháng	19
		Giờ	-Mười bốn giờ... -Hai mươi bốn giờ...	17
		Thế kỷ	-Mười hai thế kỷ...	4
5	Ngữ	Ngày	-Một vài ngày	40

danh từ chỉ lượng	Năm	-Khoảng 1 năm...	27
	Tháng	-Khoảng 1 tháng	24
	Giờ	-Khoảng 1 giờ	22
	Phút	-Khoảng mấy phút	20
	Thời điểm	-Một vài thời điểm	16

Qua bảng thống kê cho thấy phần phụ trước có TSXH của các tiểu loại lượng ngữ lần lượt là: lượng từ: 1332 lần, chiếm 75.33%; những từ ngữ khác (*nhiều, bao nhiêu*): 196 lần, chiếm 11.08%; ngữ danh từ chỉ lượng: 149 lần, chiếm 8.42%; tổ hợp số từ: 82 lần, chiếm 4.63%; quán từ: 12 lần, chiếm 0.67%. Trong đó, ở mỗi tiểu loại, danh từ *ngày* đều là danh từ có tần số xuất hiện nhiều nhất.

Từ kết quả trên, chúng tôi có nhận xét về phần phụ trước như sau: so với các tiểu loại khác thì lượng từ có TSXH phổ biến nhất, chiếm đến 75%. Các danh từ kết hợp với nó có thể có hoặc không có định ngữ theo sau. Tuy nhiên có sự hạn chế trong khả năng kết hợp giữa số từ xác định với các danh từ chỉ thời gian, đặc biệt trường hợp số từ kết hợp với những danh từ chỉ thời gian không xác định hầu như không có.

Phần phụ trước là một lượng từ xuất hiện nhiều nhất, thường xuất hiện ở các danh từ: *ngày, năm, giờ, tháng, quý, tiếng, phút,...*

Lượng từ không xác định xuất hiện chủ yếu là các từ: *những, mỗi, tất cả, cả*. Lượng từ *mỗi* không kết hợp với các danh từ có từ chỉ xuất, ví dụ: *mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi tháng,...* nhưng với từ *những* và từ chỉ tổng lượng *tất cả, cả* thì sau danh từ mà nó kết hợp phải có định ngữ có thể là định ngữ chỉ xuất hay bất kỳ định ngữ nào, ví dụ: *những ngày gần đây* [1]; *cả mùa vài năm nay* [2]; *tất cả các ngày trong tuần* [3],...

Trong lượng từ không xuất hiện số từ chỉ số lượng ước chừng như *vài, dăm, mấy...* và không xuất hiện từ *rươi*. Số từ chỉ số lượng chính xác như: *một, hai, ba, bốn,...* thường kết hợp với các danh từ chỉ thời gian như: *ngày, tuần, tháng, năm, giờ, tiếng*.

Trong phần phụ trước này, chúng ta cũng gặp một số trường hợp kết hợp đơn nhất của danh từ chỉ thời gian, ví dụ: *xế chiều, rạng sáng* tuy nhiên số lượng xuất hiện không đáng kể: *Rạng sáng ngày 14-3, hệ thống*

nhận được tin tàu Sơn Trà đã tiếp cận và lai dắt tàu bị nạn về Đà Nẵng [1], ...

Quán từ *cái* không xuất hiện trong phần phụ trước của danh ngữ trừ một trường hợp duy nhất là danh từ *Tết*, danh từ *Tết* khi kết hợp với quán từ *cái* nhất thiết phải có phần phụ sau, ví dụ: *một cái tết đầy đủ* [3]; *một cái tết sum vầy* [5],...

Những từ ngữ khác diễn đạt về lượng trong văn bản báo chí xuất hiện khá nhiều, 196 lần. Các danh từ xuất hiện loại lượng ngữ này là: *ngày, năm, tuần, tháng, tiếng, thời điểm, giờ, đêm*. Tuy nhiên ở đây chỉ thấy xuất hiện vị từ *nhiều* và đại từ *bao nhiêu* chứ không có vị từ *ít* và đại từ *bấy nhiêu*, trong đó tần số xuất hiện của *nhiều* là đa số. Ví dụ: *nhiều ngày* [1]; *nhiều năm* [2]; *bao nhiêu ngày* [4],...

Tổ hợp số từ có tần số xuất hiện 82 lần. Các danh từ thường xuất hiện loại lượng ngữ là một tổ hợp số từ: *ngày, năm, tháng, giờ, thế kỷ*. Loại lượng ngữ này thường dùng để định lượng thời gian. Ví dụ: *hai mươi ngày* [1], *mười tháng* [1], *mười ba giờ* [2], *mười tám thế kỷ* [3],...

Trong ngữ danh từ chỉ lượng, khi diễn đạt ý ước chừng trong phạm vi một lượng cụ thể, văn bản báo chí thường không dùng danh từ *độ* mà chỉ dùng hai danh từ: *khoảng, chừng*, trong đó tần số xuất hiện của *khoảng* chiếm đa số. Ví dụ: *chừng 15 phút* [2]; *khoảng 10 năm trở lại đây* [2]; *khoảng 10 ngày* [5],... Các từ thường xuất hiện tiêu loại lượng ngữ này là: *ngày, năm, tháng, giờ, phút, thời điểm*.

Có thể nói phần phụ trước của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí tuy không nhiều nhưng đã thể hiện được phần nào tính đặc trưng của các danh từ chỉ thời gian. Mỗi loại từ cấu tạo nên phần lượng ngữ của danh ngữ có khả năng kết hợp khác nhau, trong đó cần chú ý lượng từ chỉ số lượng, đặc biệt là lượng từ chỉ số lượng không xác định để sử dụng phù hợp với tiêu chí thời gian rõ ràng, chính xác và khách quan trong văn bản báo chí.

3. Kết luận

Chỉ với một số ít danh từ chỉ thời gian nhất định nhưng đã có đến 4482 danh ngữ chỉ thời gian được xác lập trong văn bản báo chí. Như vậy, có thể thấy rằng, nếu với một số lượng hữu hạn danh từ chỉ thời gian, chúng ta chỉ có từng đó cách để diễn đạt thời gian thì nay nhờ cách xác lập các định ngữ ở phần phụ sau mà chúng ta có thể diễn đạt nhiều hơn, phong phú hơn các kiểu thời gian.

Tin tức là một thể loại báo chí ngắn gọn, cô đúc, súc tích và có tính thời sự cao, có nhiệm vụ thông báo, phản ánh sự kiện mới, chưa đi sâu vào phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề hoặc nếu có thì chỉ có thể bình luận nhẹ nhàng về sự kiện, con người khi cần thiết để thể hiện chính kiến hay định hướng dư luận. Chính vì những lý do đặc thù này của văn bản báo chí nói chung và thể loại tin được khảo sát nói riêng mà danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản báo chí có cấu tạo đơn giản hơn so với danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật, đặc biệt là phần phụ sau. Tuy nhiên, nó cũng đã thể hiện phần nào sự linh hoạt trong việc biểu hiện nghĩa của danh từ chỉ thời gian nói chung và danh ngữ chỉ thời gian nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tài Căn (2004), Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng - từ ghép - đoản ngữ), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tài Căn, (1975), Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quốc Dũng (2003) “Đặc điểm ngữ pháp ngữ nghĩa của các danh ngữ chỉ thời gian trong tiếng Việt”, Thông báo khoa học Trường ĐHSPT Huế, (1), tr. 5.
- [4] Nguyễn Văn Hán, “Một số nhận xét về danh từ, danh ngữ chỉ thời gian trong Tiếng Việt”, Tạp chí Khoa học ĐHSPT Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Lê Sao Mai (2011), Danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản tiếng Việt (qua văn bản báo chí và nghệ thuật), Luận văn thạc sĩ, Huế.

STRUCTURAL CHARACTERISTICS OF NOUN PHRASES DENOTING TIME IN JOURNALISTIC WRITING

Abstract: The noun is a part of speech which has an important status among the parts of speech of a language in general and of Vietnamese in particular. The richness and diversity of the noun has contributed to the richness and diversity of a corresponding syntagmatic structure with a head noun helping to form a nominal phrase or a noun phrase. In language, time occupies a certain

significant position because it can appear in every utterance. Many means of language are used to indicate time, of which noun phrases denoting time are one of the typical means which possess abundant emotional values. This paper presents an in-depth investigation into the structural characteristics of noun phrases denoting time in journalist writing in terms of the structures of noun phrases, head nouns, premodifiers and postmodifiers, thereby making comments and initial remarks on the structural characteristics as well as the value of expressing time of temporal nouns in journalistic writing.

Key words: noun; noun phrase; noun phrase denoting time; journalistic writing; parts of speech